



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ  
Eastspring Investments**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Công Ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thông tin chung**

	<b>Pages</b>
Thông tin về Công ty	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 37



**Công Ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số** 4104000113 ngày 24 tháng 5 năm 2005  
Điều chỉnh lần 1 ngày 23 tháng 1 năm 2006

**Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ số** 03/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 5 năm 2005  
17/UBCK-GP ngày 23 tháng 7 năm 2008  
27/UBCK-GPĐC ngày 20 tháng 11 năm 2008  
67/UBCK-GPĐC ngày 15 tháng 4 năm 2010  
25/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2011  
51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012  
08/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 3 năm 2013  
29/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2013  
63/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 8 năm 2018

**Giấy phép Kinh doanh số** 51/GP-UBCK ngày 23 tháng 3 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ lần lượt do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vào ngày 23 tháng 3 năm 2012, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK cho phép bổ sung thêm dịch vụ tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Theo Điều lệ Công ty, thời gian hoạt động của Công ty nhất quán với thời gian hoạt động của công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam. Giấy phép đầu tư của công ty mẹ có hiệu lực đến ngày 29 tháng 10 năm 2049.

**Hội đồng Thành viên**  
Buwalda Jeroen Jelle Bart Chủ tịch  
Ngô Thế Triệu Thành viên  
Clive Darren Baker Thành viên  
(đến ngày 21 tháng 6 năm 2021)  
Phương Tiến Minh Thành viên  
(từ ngày 21 tháng 6 năm 2021)

**Ban Giám đốc** Ngô Thế Triệu Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Tòa nhà Saigon Trade Center  
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công Ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi Chủ đầu tư Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2020 được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số.: 20-01-00267-21-1



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Lệ Hằng

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số N.3782-2017-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B01 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND'000</b>	<b>31/12/2019 VND'000</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>331.181.489</b>	<b>218.474.932</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>253.696.998</b>	<b>110.034.045</b>
Tiền	111		8.596.998	4.034.045
Các khoản tương đương tiền	112		245.100.000	106.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.000.000</b>	<b>65.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	20.000.000	65.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>55.384.746</b>	<b>41.793.426</b>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	94.987
Phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ	134	6(a)	55.080.479	40.576.618
Phải thu khác	135	6(b)	325.267	1.136.821
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(21.000)	(15.000)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.099.745</b>	<b>1.647.461</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.099.745	1.647.461
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>5.530.243</b>	<b>4.254.505</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>525.815</b>	<b>915.252</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	525.815	915.252
<i>Nguyên giá</i>	222		5.096.229	5.035.629
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.570.414)	(4.120.377)
Tài sản cố định vô hình	227	8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		982.797	982.797
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(982.797)	(982.797)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.004.428</b>	<b>3.339.253</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9	3.822.863	2.157.688
Tài sản dài hạn khác	268	10	1.181.565	1.181.565
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>336.711.732</b>	<b>222.729.437</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND'000</b>	<b>31/12/2019 VND'000</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>44.417.541</b>	<b>36.097.823</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>39.038.966</b>	<b>31.113.111</b>
Phải trả người bán	312		83.909	338.976
Thuế phải nộp Nhà nước	314	11	5.416.060	5.424.669
Phải trả người lao động	315		2.000	56.824
Chi phí phải trả	316	12	29.111.699	22.106.302
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	4.425.298	3.186.340
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.378.575</b>	<b>4.984.712</b>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	14	1.180.183	1.385.147
Dự phòng phải trả dài hạn	337	15	4.198.392	3.599.565
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>292.294.191</b>	<b>186.631.614</b>
Vốn góp	411	16	25.000.000	25.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.500.000	2.500.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.500.000	2.500.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		262.294.191	156.631.614
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	420a		156.631.614	86.749.953
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	420b		105.662.577	69.881.661
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>336.711.732</b>	<b>222.729.437</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND'000</b>	<b>31/12/2019 VND'000</b>
Ngoại tệ (USD)	005	23	3.172,75	3.172,75
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	17	6.610.218.288	1.760.229.638
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	18	123.609.522.321	100.737.388.254
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		1.046.457.447	154.006.917

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Lê Minh Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thế Triệu  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mẫu B02 - CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND'000	2019 VND'000
<b>Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>199.074.237</b>	<b>142.933.017</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	5.091.352	5.382.841
Chi phí tài chính	22		105.292	13.932
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	81.495.519	64.400.565
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 10 + (21 - 22) - 25}	<b>30</b>		<b>122.564.778</b>	<b>83.901.361</b>
Thu nhập khác	31		6.877	-
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31)</b>	<b>40</b>		<b>6.877</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>122.571.655</b>	<b>83.901.361</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>22</b>	<b>18.574.253</b>	<b>12.898.356</b>
<b>(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>22</b>	<b>(1.665.175)</b>	<b>284.258</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>105.662.577</b>	<b>70.718.747</b>

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Lê Minh Thùy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thế Triệu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B03 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Tiền thu từ hoạt động quản lý quỹ	01		184.570.376	132.679.768
Tiền chi trả cho cán bộ công nhân viên	03		(41.282.730)	(38.059.497)
Tiền chi trả thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(19.180.049)	(7.903.510)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.877	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(31.272.435)	(24.278.904)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>92.842.039</b>	<b>62.437.857</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Chi mua tài sản cố định	21	7	(60.600)	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	23		(131.000.000)	(65.000.000)
Thu tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	24		176.000.000	38.000.000
Thu lãi tiền gửi	27		5.881.514	5.304.143
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>50.820.914</b>	<b>(21.695.857)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)</b>	<b>50</b>		<b>143.662.953</b>	<b>40.742.000</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>110.034.045</b>	<b>69.292.045</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>253.696.998</b>	<b>110.034.045</b>

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Lê Minh Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thế Triệu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B05 - CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	<b>Vốn góp VND'000</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND'000</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND'000</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND'000</b>	<b>Tổng VND'000</b>
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	25.000.000	2.081.457	2.081.457	86.749.953	115.912.867
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	70.718.747	70.718.747
Trích lập quỹ	-	418.543	418.543	(837.086)	-
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	25.000.000	2.500.000	2.500.000	156.631.614	186.631.614
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	105.662.577	105.662.577
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	25.000.000	2.500.000	2.500.000	262.294.191	292.294.191

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Lê Minh Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thế Triệu  
Tổng Giám đốc

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B09 - CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được cấp phép và thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ là 25 tỷ VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 21 nhân viên (31/12/2019: 21 nhân viên) trong đó có một (1) nhân viên quản lý cấp cao. Trong năm, Công ty có một (1) nhân viên nghỉ việc và không có nhân viên nào vi phạm kỷ luật. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 8 nhân viên (31/12/2019: 9 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực này và các quy định pháp lý có liên quan có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, thay đổi vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, làm tròn đến nghìn đồng (“VND’000”).

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản đầu tư**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn trên ba tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- chi phí nâng cấp 3 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 4 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**(g) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

**(h) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(i) Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên**

Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên bao gồm khoản thưởng bằng tiền cho nhân viên mà Công ty có nghĩa vụ chi trả trong vòng ba năm. Khoản thưởng này được ghi nhận là khoản chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tương ứng với khoản tăng nợ phải trả, trong khoảng thời gian mà nhân viên được hưởng các khoản thưởng này (“kỳ được nhận thưởng”). Khoản chi phí ghi nhận được điều chỉnh hàng năm bằng cách tham chiếu với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Eastspring Investments trên toàn Châu Á trong kỳ được nhận thưởng.

**(j) Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư**

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này để đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành.

**(k) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**(l) Các quỹ dự trữ**

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

	<b>Số trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc cá nhân gây ra tổn thất.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để chi trả cổ tức.

**(m) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Phí quản lý quỹ và danh mục đầu tư, phí quản trị danh mục đầu tư và phí hỗ trợ phân bổ tài sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu

10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

**(r) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là quản lý đầu tư và hoạt động trên một vùng địa lý là Việt Nam.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2020</b>	<b>31/12/2019</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>		
▪ Deutsche Bank AG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	7.942.159	2.792.987
▪ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	654.839	1.241.058
	<hr/>	<hr/>
	8.596.998	4.034.045
<b>Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng</b>		
▪ Deutsche Bank AG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	86.000.000	55.000.000
▪ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	69.100.000	31.000.000
▪ Ngân hàng MUFG, Chi nhánh Thành phố Hà Nội	50.000.000	-
▪ Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam)	40.000.000	20.000.000
	<hr/>	<hr/>
	245.100.000	106.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	253.696.998	110.034.045

Các khoản tương đương tiền của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có lãi suất năm dao động từ 0,15% đến 1,07% (31/12/2019: từ 3,44% đến 4,41%) đối với các khoản tiền gửi bằng VND. Trong trường hợp Công ty rút tiền gửi trước ngày đáo hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được hưởng lãi suất theo chính sách của ngân hàng áp dụng cho trường hợp rút trước ngày đáo hạn.

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2020</b>	<b>31/12/2019</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		
▪ Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam)	20.000.000	65.000.000
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND, với kỳ hạn gốc 5 tháng và có lãi suất năm là 2,15% (31/12/2019: từ 3,90% đến 4,10%).

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**6. Các khoản phải thu ngắn hạn**

**(a) Các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ**

	<b>31/12/2020</b>	<b>31/12/2019</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Phải thu công ty mẹ	54.899.479	40.391.618
Phải thu các công ty liên quan khác	181.000	185.000
	<hr/>	<hr/>
	55.080.479	40.576.618
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi suất và có thể thu được khi có nhu cầu.

**(b) Các khoản phải thu khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>31/12/2019</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Lãi dự thu	132.318	1.011.342
Phải thu từ người lao động	111.000	55.840
Đặt cọc tiền thuê	45.001	39.000
Phải thu khác	36.948	30.639
	<hr/>	<hr/>
	325.267	1.136.821
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là các khoản phải thu đã quá hạn có giá trị ghi sổ là 30 triệu VND (31/12/2019: 30 triệu VND).

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**7. Tài sản cố định hữu hình**

<b>2020</b>	<b>Chi phí nâng cấp VND'000</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND'000</b>	<b>Tổng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kì	1.858.849	3.176.780	5.035.629
Tăng trong năm	-	60.600	60.600
Số dư cuối kì	1.858.849	3.237.380	5.096.229
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.554.289	2.566.088	4.120.377
Khấu hao trong năm	138.470	311.567	450.037
Số dư cuối năm	1.692.759	2.877.655	4.570.414
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	304.560	610.692	915.252
Số dư cuối năm	166.090	359.725	525.815
<b>2019</b>			
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	1.858.849	3.176.780	5.035.629
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.382.030	2.230.373	3.612.403
Khấu hao trong năm	172.259	335.715	507.974
Số dư cuối năm	1.554.289	2.566.088	4.120.377
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	476.819	946.407	1.423.226
Số dư cuối năm	304.560	610.692	915.252

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 3.676 triệu VND (31/12/2019: 3.474 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính	
	2020 VND'000	2019 VND'000
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	982.797	982.797
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	982.797	961.953
Khấu hao trong năm	-	20.844
Số dư cuối năm	982.797	982.797
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	-	20.844
Số dư cuối năm	-	-

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 983 triệu VND (31/12/2019: 983 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2020 VND'000	31/12/2019 VND'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
▪ Chi phí phải trả	3.586.763	1.880.659
▪ Dự phòng trợ cấp thôi việc	236.100	277.029
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.822.863	2.157.688



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản dài hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>31/12/2019</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Đặt cọc thuê văn phòng	1.181.565	1.181.565

**11. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2020</b>	<b>Số phát sinh</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND'000</b>	<b>trong năm</b>	<b>trong năm</b>	<b>VND'000</b>
		<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	
Thuế thu nhập cá nhân	284.161	10.140.388	(10.040.874)	383.675
Thuế nhà thầu	145.662	1.291.283	(793.610)	643.335
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.994.846	18.574.253	(19.180.049)	4.389.050
	5.424.669	30.005.924	(30.014.533)	5.416.060

**12. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2020</b>	<b>31/12/2019</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Các khoản tiền thưởng	14.643.856	12.732.792
Chi phí hoạt động phải trả	10.577.077	3.032.820
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh 15)	2.227.200	4.475.625
Các khoản khác	1.663.566	1.865.065
	29.111.699	22.106.302

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

Phải trả ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản chi phí phải trả liên quan đến dịch vụ IT và hành chính văn phòng cho các công ty liên quan, chi tiết như sau:

	<b>31/12/2020</b>	<b>31/12/2019</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Phải trả cho công ty mẹ – Phi thương mại	2.191.246	2.091.131
Phải trả các công ty liên quan khác – Phi thương mại	1.800.198	653.939
Phải trả bên thứ ba – Phi thương mại	433.854	441.270
	4.425.298	3.186.340

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**14. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

	<b>2020</b> <b>VND'000</b>	<b>2019</b> <b>VND'000</b>
Số dư đầu năm	1.385.147	1.365.483
Dự phòng trích lập trong năm	112.531	95.015
Dự phòng sử dụng trong năm	(317.495)	(75.351)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.180.183	1.385.147

**15. Dự phòng phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2020</b> <b>VND'000</b>	<b>31/12/2019</b> <b>VND'000</b>
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên (i)	3.897.600	3.270.500
Thưởng khác	300.792	329.065
	<hr/>	<hr/>
	4.198.392	3.599.565

(i) Biến động của khoản thưởng dài hạn cho nhân viên trong năm như sau:

	<b>2020</b> <b>VND'000</b>	<b>2019</b> <b>VND'000</b>
Số dư đầu năm	3.270.500	4.917.727
Dự phòng trích lập trong năm	2.854.300	2.828.398
Chuyển sang các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh 12)	(2.227.200)	(4.475.625)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.897.600	3.270.500

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**16. Vốn chủ sở hữu**

Vốn điều lệ được duyệt của Công ty đã được góp đủ bởi công ty mẹ, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Công ty mẹ cấp cao nhất, Prudential plc, được thành lập tại Anh Quốc.

**17. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền giữ hộ nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ đầu tư dưới sự quản lý của Công ty như sau:

	31/12/2020 VND'000	31/12/2019 VND'000
<b>Quỹ Chủ sở hữu</b>	<b>1.471.126.391</b>	<b>635.015.353</b>
Tiền gửi ngân hàng	165.606.150	384.015.353
Các khoản tương đương tiền (*)	1.305.520.241	251.000.000
<b>Quỹ Toàn cầu</b>	<b>454.649.487</b>	<b>109.051.578</b>
Tiền gửi ngân hàng	66.223.893	9.051.578
Các khoản tương đương tiền (*)	388.425.594	100.000.000
<b>Quỹ Nhân thọ</b>	<b>3.928.870.195</b>	<b>698.573.568</b>
Tiền gửi ngân hàng	515.850.463	424.745.568
Các khoản tương đương tiền (*)	3.413.019.732	273.828.000
<b>Quỹ Liên kết Đầu tư</b>	<b>693.167.421</b>	<b>287.815.965</b>
Tiền gửi ngân hàng	358.559.790	142.038.560
Các khoản tương đương tiền (*)	334.607.631	145.777.405
<b>Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam</b>	<b>61.590.043</b>	<b>25.237.303</b>
Tiền gửi ngân hàng	6.070.077	5.175.659
Các khoản tương đương tiền (*)	55.519.966	20.061.644
<b>Quỹ Hưu trí</b>	<b>814.751</b>	<b>4.535.871</b>
Tiền gửi ngân hàng	814.751	4.535.871
	<b>6.610.218.288</b>	<b>1.760.229.638</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**18. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ đầu tư dưới sự quản lý của Công ty bao gồm:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Số lượng	Giá trị gốc VND'000	Số lượng	Giá trị gốc VND'000
<b>Quỹ Chủ sở hữu</b>				
Chứng khoán nợ niêm yết	897.000	100.925.950	42.437.000	4.754.463.677
Tiền gửi có kỳ hạn	N/A	9.166.599.222	N/A	2.397.620.671
<b>Quỹ Toàn cầu</b>				
Chứng khoán nợ niêm yết	23.403.683	3.622.569.552	24.673.371	3.440.682.853
Tiền gửi có kỳ hạn	N/A	771.885.045	N/A	590.321.382
<b>Quỹ Nhân thọ</b>				
Chứng khoán vốn niêm yết	40.058.342	1.379.506.015	50.337.686	1.563.629.156
Chứng khoán nợ niêm yết	468.336.766	67.804.893.767	506.344.783	67.974.543.634
Tiền gửi có kỳ hạn	N/A	13.442.636.915	N/A	4.754.208.976
<b>Quỹ Liên kết Đầu tư</b>				
Chứng khoán vốn niêm yết	127.020.332	4.401.442.066	108.540.776	3.410.959.029
Chứng khoán nợ niêm yết	3.740.020	439.439.947	3.900.000	433.776.780
Tiền gửi có kỳ hạn	N/A	229.877.419	N/A	168.344.308
<b>Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam</b>				
Chứng khoán vốn niêm yết	2.698.316	63.006.864	3.751.392	78.468.249
Tiền gửi có kỳ hạn	N/A	12.356.860	N/A	38.934.892
<b>Quỹ Hưu trí</b>				
Chứng khoán nợ niêm yết	1.585.000	161.841.066	1.335.000	136.459.566
Tiền gửi có kỳ hạn	N/A	82.119.943	N/A	91.887.177
		101.679.100.631	123.609.522.321	89.834.300.350
				100.737.388.254

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

## 19. Doanh thu thuần

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2020 VND'000	2019 VND'000
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư (i)	161.838.132	125.775.610
Doanh thu hoạt động giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản (ii)	25.593.595	8.443.541
Doanh thu hoạt động quản trị quỹ(iii)	11.642.510	8.713.866
	199.074.237	142.933.017

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty quản lý năm (05) danh mục đầu tư chứng khoán và một (01) quỹ đầu tư với tổng giá trị tài sản ròng là 131.266 tỷ VND (31/12/2019: 102.652 tỷ VND).

Công ty quản lý danh mục đầu tư cho Quỹ Chủ sở hữu, Quỹ Toàn cầu, Quỹ Nhân thọ, Quỹ Liên kết Đầu tư và Quỹ Hưu trí của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (công ty mẹ) theo hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phí quản lý danh mục đầu tư nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 159.738 triệu VND (2019: 123.649 triệu VND).

Công ty cũng quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, một quỹ mở được thành lập tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam theo Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 09/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam là 2.100 triệu VND (2019: 2.126 triệu VND).

- (ii) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, doanh thu từ dịch vụ giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 25.594 triệu VND (2019: 8.444 triệu VND).
- (iii) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, doanh thu từ dịch vụ quản trị quỹ cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 11.643 triệu VND (2019: 8.714 triệu VND).

Công ty không nhận khoản phí thường hoạt động nào cho các kỳ kết thúc năm ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 vì điều kiện của hợp đồng quản lý đầu tư không được đáp ứng.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.002.490	5.313.058
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	88.862	69.783
	5.091.352	5.382.841

**21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Chi phí nhân viên	41.233.191	39.589.894
Chi phí tư vấn và dịch vụ khác	10.845.775	9.083.510
Chi phí thuê văn phòng	4.293.527	4.011.477
Chi phí khác	25.123.026	11.715.684
	81.495.519	64.400.565

**22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện tại	18.574.253	12.898.356
<b>(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.665.175)	284.258
	16.909.078	13.182.614



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	122.571.655	83.901.361
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	24.514.331	16.780.272
Chi phí không được khấu trừ thuế	355.141	368.094
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(3.965.752)
Ưu đãi thuế (*)	(7.960.394)	-
	16.909.078	13.182.614

(\*) Theo quy định tại Nghị định 114/2020/ND-CP, doanh nghiệp có tổng doanh thu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dưới 200 tỷ VND được giảm 30% số thuế thu nhập phải nộp cho năm 2020.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng cho Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải chịu sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

**23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(i) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2020</b>	<b>31/12/2019</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Trong vòng 1 năm	4.685.604	4.414.225
Trong vòng 2 đến 5 năm	7.069.062	11.754.666
	11.754.666	16.168.891

**(ii) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2020</b>		<b>31/12/2019</b>	
		<b>Tương đương</b>		<b>Tương đương</b>
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND'000</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND'000</b>
USD	3.172,75	72.973	3.172,75	73.291



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Công ty có các giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2020 VND'000</b>	<b>2019 VND'000</b>
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý danh mục đầu tư	159.737.516	123.649.317
		Phí dịch vụ giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản	25.593.595	8.443.541
		Phí dịch vụ quản trị quỹ	11.642.510	8.713.866
		Phí liên quan đến dịch vụ IT và vận hành do công ty mẹ cung cấp	4.628.037	3.347.941
		Chi phí trả hộ cho Công ty	1.190.648	857.233
Prudential Holdings Ltd	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ cho Công ty	-	515.014
		Chi phí trả hộ bởi Công ty	-	53.006
Prudential Corporation Holdings Ltd	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ cho Công ty	375.852	-
		Phí dịch vụ	114.051	-
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Công ty liên quan	Phí liên quan đến dịch vụ IT và vận hành do công ty liên quan cung cấp	10.706.316	6.191.134
Eastspring Investments Services Pte Ltd	Công ty liên quan	Phí dịch vụ	1.058.229	-
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	2.100.616	2.126.293



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Số dư với các công ty liên quan tại cuối năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2020	31/12/2019
			VND'000	VND'000
			<b>Phải thu/(phải trả)</b>	
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	43.621.555	35.506.488
		Phải thu phí dịch vụ quản trị quỹ	3.136.621	2.485.250
		Phải thu phí dịch vụ giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản	8.141.303	2.399.880
		Phải trả phí IT và vận hành do công ty mẹ cung cấp	(1.202.667)	(1.590.107)
		Các khoản phải trả khác	(988.579)	(601.351)
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Công ty liên quan	Phải trả phí IT và vận hành do công ty liên quan cung cấp	(1.531.552)	(653.939)
Eastspring Investments Services Pte Ltd	Công ty liên quan	Phải trả phí dịch vụ	(268.646)	-
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phải thu phí quản lý	181.000	185.000

## 25. Quản lý rủi ro tài chính

### *Tổng quan*

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đánh giá và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra việc Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty, rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

***Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND'000</b>	<b>31/12/2019 VND'000</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	253.696.998	110.034.045
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	20.000.000	65.000.000
Các khoản phải thu - giá trị gộp	(ii)	55.405.746	41.808.426
		<hr/>	<hr/>
		329.102.744	216.842.471

**(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tất cả tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu chủ yếu bao gồm phí quản lý phải thu. Rủi ro tín dụng liên quan đến phí quản lý phải thu được đánh giá là không đáng kể vì đây là các khoản phải thu từ các bên liên quan và các quỹ dưới sự quản lý của Công ty mà các bên liên quan và các quỹ này có lịch sử trả nợ tốt.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi số VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Trong vòng 1 tháng VND'000	Từ 1 đến 3 tháng VND'000	Từ 3 tháng đến 1 năm VND'000	Từ 1 đến 5 năm VND'000
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>						
Phải trả người bán	83.909	83.909	83.909	-	-	-
Chi phí phải trả	13.205.730	13.205.730	-	13.205.730	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	4.425.298	4.425.298	4.425.298	-	-	-
	17.714.937	17.714.937	4.509.207	13.205.730	-	-
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>						
Phải trả người bán	338.976	338.976	338.976	-	-	-
Chi phí phải trả	5.811.755	5.811.755	-	5.811.755	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	3.186.340	3.186.340	3.186.340	-	-	-
	9.337.071	9.337.071	3.525.316	5.811.755	-	-

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các trạng thái tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	Có gốc tiền tệ là USD	
	31/12/2020	31/12/2019
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.172,75	3.172,75

Sau đây là tỷ giá hối đoái của ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2020	31/12/2019
USD/VND	23.000	23.100

Dưới đây là bảng phân tích tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	31/12/2020 VND'000
USD (yếu đi 1%)	(586)

Dưới đây là bảng phân tích tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	31/12/2019 VND'000
USD (mạnh lên 1%)	586

Các biến động ngược chiều của đồng USD sẽ gây ra các tác động cùng mức độ nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty chịu ảnh hưởng không đáng kể bởi rủi ro lãi suất do Công ty nắm giữ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn cố định.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND'000	31/12/2019 VND'000
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Các khoản tương đương tiền	245.100.000	106.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000	65.000.000
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</i>		
Tiền gửi ngân hàng	8.596.998	4.034.045

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 69 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty (31/12/2019: 32 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**(iii) Rủi ro giá thị trường**

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ suy giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ. Công ty không chịu rủi ro giá thị trường do Công ty không nắm giữ cổ phiếu nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với giá trị ghi sổ được trình bày tại ngày kết thúc kỳ kế toán, như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
<i>Tài sản tài chính được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	253.696.998	253.696.998	110.034.045	110.034.045
▪ Các khoản phải thu – giá trị gộp	55.405.746	(*)	41.808.426	(*)
<i>Tài sản tài chính được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000	(*)	65.000.000	(*)
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả người bán	83.909	(*)	338.976	(*)
▪ Chi phí phải trả	13.205.730	(*)	5.811.755	(*)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	4.425.298	(*)	3.186.340	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ này.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 - CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

**26. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Thành viên của Công ty đã phê duyệt phân phối khoản lợi nhuận với số tiền là 200 tỷ VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của các năm 2017, 2018, 2019 và một phần lợi nhuận chưa phân phối của năm 2020. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa thực hiện chi trả khoản cổ tức này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Công ty và yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Lê Minh Thủy  
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ngô Thế Triệu  
Tổng Giám đốc